

Vài suy nghĩ về thời gian trong văn hoá

Nguyễn Cung Thông¹

Có bao giờ bạn đi đám cưới mà phải chờ cả giờ đồng hồ trước khi bữa tiệc bắt đầu? Vấn đề này trở nên đáng quan tâm hơn nếu là giờ họp để bàn luận về công ăn việc làm, và có thể ảnh hưởng đến tương lai của một cộng đồng rộng lớn hơn. Quá trình thay đổi tư duy/thói quen như làm việc đúng giờ cần nhiều thời gian và trải nghiệm cá nhân, nhất là lồng trong một truyền thống văn hoá đã có từ lâu đời. Tuy gặp nhiều thử thách trong đời sống hàng ngày (ngôn ngữ, khác biệt chủng tộc và văn hoá, nghề nghiệp ...), người viết (NCT) đã có cơ hội trải qua hai nền văn hoá Việt Nam (truyền thống Á Đông) và Úc (truyền thống Tây phương). Vấn đề thời gian lại càng nổi bật trong các hoạt động thuộc lãnh vực khoa học và kỹ thuật, có khi là yếu tố chính quyết định sự thành công hay không - xem giản đồ ba-góc Lewis ở phần dưới. Bài viết nhỏ này ghi lại vài suy nghĩ về hiện tượng 'giờ dây thun²' (giờ cao su) này với hi vọng bạn đọc có cơ hội suy ngẫm thêm về những lý do sâu xa hơn³. Từ đó đưa đến quyết định tích cực về quá trình quản lý thời gian, có lợi cho cá nhân và xã hội hơn nữa. Để cho liên tục, bạn đọc nên tham khảo thêm bài viết "Tản mạn về từ Hán Việt thời - thì" của cùng tác giả (NCT - 2012), có thể đọc toàn bài trên trang này chẳng hạn [http://chimviet.free.fr/ngonngu/Angonngu.htm ...v.v...](http://chimviet.free.fr/ngonngu/Angonngu.htm...v.v...) Một số cách dùng được dịch ra tiếng Anh hay Pháp vì không có trong vốn từ Việt trước đây, hay chúng chỉ nhập vào ngữ vựng của toàn dân gần đây mà thôi. Một số chữ viết tắt trong bài là VN (Việt Nam), NCT (Nguyễn Cung Thông), TQ (Trung Quốc).

1. Các tiền bối viết về thời gian ra sao?

Chúng ta hãy đọc tâm sự của cụ Nguyễn Văn Vĩnh⁴ (1882-1936) trong "Nhời đàn bà" đăng trên Đông Cổ Tùng Báo (1907):

"Cái lý thú của nước Nam ta nhỏ mọn lắm. Kia cái đồng hồ từ tám mươi đời thì quán vài tây điều, kết quả găng ... Nói tóm lại thì người Nam mình chưa cái gì là cái khéo. Mà càng bắt chước Tây bắt chước Tàu bao nhiêu càng xấu bấy nhiêu ..."

¹ Nghiên cứu tiếng Việt độc lập ở Melbourne (Úc). Địa chỉ email nguyencungthong@yahoo.com

² Không nên nhầm 'giờ dây thun' với cảm nhận chủ quan của từng cá nhân về thời gian có lúc qua nhanh có lúc đi chậm lại. Thí dụ khi còn bé, thường phải tìm hiểu nhiều hơn qua các trải nghiệm mới lạ, nên bộ não chúng ta cần thời gian để xử lý nhiều thông tin và thời gian có vẻ trôi qua chậm hơn. Tuy nhiên, khi đã lớn và nhất là khi về già thì môi trường chung quanh trở nên quen thuộc hơn, số lượng thông tin mà bộ não tiếp nhận không nhiều và thời gian xử lý vì vậy nhanh hơn. Nhớ rằng đồng hồ ở ngoài ta vẫn hoạt động đều đặn và thời gian hoàn toàn giống y nhau. Thí dụ như khi chúng ta đi tìm một địa chỉ, khi đến tìm luôn cho cảm giác là mất thời gian hơn so với lúc về - dù là cùng một lộ trình và phương tiện di chuyển.

³ Ngay từ thời LM Alexandre de Rhodes (1591-1660), ông đã nhận thấy là một giờ của Á Đông là bằng hai giờ Âu Châu (cũng là giờ theo cách hiểu hiện nay). Trong Phép Giảng Tám Ngày, ông viết "Mà lại nhật thực ấy một giờ rưỡi làm tối mặt trời" trang 229. Vào thời ấy, LM Girolamo Maiorica (1591-1656) cũng cùng một nhận xét "ba mươi ba giờ nước người. Chẳng phải giờ An Nam vì nước này lấy hai giờ nước người làm một" Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông trang 53, 161.

⁴ Có thể xem các bài viết của học giả Nguyễn Văn Vĩnh trên trang <http://www.tannamtu.com/?cat=19>

Cụ Phan Khôi (1887-1959) thì chi tiết hơn trong bài viết "Cái đồng hồ của người Việt Nam" đăng trên Phụ Nữ Tân Văn (1931):

"Trong tiếng ta có một lời mà người ta hay dùng là cơm vua ngày trời, tỏ ra ý ăn hết chĩnh nào thì ăn, làm được chĩnh nào thì làm, không bị hạn chế và thôi thúc chi hết ... Có người đeo cái đồng hồ không chạy, máy ở trong đã hư hết, nhưng vì nó đẹp nên cũng đeo cho có với người ta. Ta chưa nhìn rõ cái giá trị thật của thời gian là thế nào".

Cụ Nguyễn Hiến Lê/NHL (1912-1984), ý thức được tầm quan trọng của thời gian, cũng đã bỏ công ra dịch cuốn "How to gain an extra hour everyday" của tác giả Ray Josephs. Bản tiếng Anh đã được cập nhật và in lại nhiều lần, từ 243 mẹo (bản đầu tiên in năm 1955) cho đến hơn 500 lời mách nước (bản cập nhật), cũng là sách chỉ nam cho các bạn muốn quản lý thì giờ tốt hơn. Cụ NHL nhận xét trong lời nói đầu của bản dịch⁵ ra Việt ngữ (1971) "... nhiều nhà bác học đã mừng rằng nhờ máy móc nhân loại sắp đạt được 'văn minh nhân rồi', nên 'văn minh hưởng thụ', nhưng rồi lại lo không biết nhân loại sẽ làm cách nào tiêu cho hết số thì giờ nhân rồi đó để khỏi 'nhàn cư vi bất thiện' ...".

Cho đến ngày nay, hiện tượng "giờ dây thun" vẫn reo rắc nhiều kết quả không tốt trong nhiều ngành nghề cũng như các hoạt động đa dạng trong xã hội VN. Một bài báo gần đây⁶ (16/10/2017) ghi lại chuyện "Những lần xuất hiện kiểu 'giờ dây thun' khiến sao Việt bị chỉ trích âm ỉ" hay bài báo (2/11/2012) <http://khoahoc.tv/day-la-ly-do-that-su-cua-nhung-nguoi-hay-di-lam-muon-tre-gio-80393>. Cách đây một tháng (3/2018), một bài ca⁷ được cho ra đời bao quanh chủ đề "giờ cao su": xem trang này chẳng hạn

<https://haimoinhat.net/video/oZFprP68q-M/gio-cao-su-nguoi-la-oi-che-mini-anti.html> ...v.v...

Ta hãy xem lại và so sánh cách ứng xử thời gian trong các nền văn hoá từ Đông sang Tây, do đó nhận thức sâu xa hơn về những khác biệt thâm trầm này. Để ý rằng là ta nên tránh 'vơ đũa cả nắm', vì đã có những dấu hiệu thay đổi trong cách ứng xử như người Nhật (và một số người VN, TQ) rất tôn trọng thời gian cũng như theo đúng giờ giấc trong cuộc sống.

2. Thời gian và truyền thống văn hoá

Thời gian có phạm trù nghĩa khá rộng từ thời cổ đại, tùy theo truyền thống văn hoá bản địa. Học giả Lê Quý Đôn cũng nhận xét rằng "... Hoà hay trái đều có thời đã định mà đến với ta: cho nên đạo Dịch không ngoài một chữ Thời ..." trang 66, "Vân Đài Loại Ngữ", Trần Văn Giáp biên dịch và khảo thích - NXB Văn Hoá Thông Tin - Hà Nội, 2006. Học giả Thu Giang Nguyễn Duy Cần cũng nhắc lại ý này trong cuốn "Dịch học tinh hoa" (1973, chương 4.1) rằng "... Chu Dịch nhất bộ thư, khả nhất ngôn, nhi tế chi viết thời: toàn bộ Chu Dịch có thể tóm một lời là chữ Thời mà thôi". Cụm danh từ thời gian chỉ nhập vào tiếng Việt vào khoảng đầu thế kỷ XX. Từ thời Minh Trị/Meiji 明治 (1868-1912), một số lớn thuật ngữ khoa học Tây phương như thời gian 時間, không gian 空間, thị trường 市場 ... được các học giả Nhật dịch ra (dựa vào tiếng Hán) thành jikan, kukan, shijō ... và nhập ngược vào tiếng TQ làm vốn

⁵ Bản dịch tiếng Việt cũng được in lại nhiều lần, td. NXB Văn Hoá Thông Tin (2000). Có thể xem các sách học giả NHL viết trên trang này chẳng hạn <https://sites.google.com/site/caogiathuquan/tieu-thuyet/nguyen-hien-le>

⁶ Xem trang <http://2sao.vn/nhung-lan-xuat-hien-kieu-gio-day-thun-khien-sao-viet-bi-chi-trich-am-i-n-135385.html>

⁷ Bài ca hài hay cười ra nước mắt?

từ Hán trở nên rất phong phú - đây cũng là một cách hội nhập văn hóa Tây phương của TQ qua con đường Nhật Bản mà ít người nhận ra được! Nhóm chữ HV ‘mới’ này còn được gọi là wasei kango (和製漢語 Hòa chế Hán ngữ).

Nhìn rộng ra xem các nước Á Đông, dưới ảnh hưởng của Nho (Khổng) học, chú trọng đến nhân 仁 và lễ 禮 (**định tính/qualitative**) thành ra quan tâm đến quá khứ và thời gian⁸ trở nên chủ quan, uyển chuyển và là nhân tố phụ thuộc. Trong lúc đó, Tây phương lại xem thời gian là yếu tố quan trọng trong việc xác định hiệu năng công việc và quá trình định lượng. Thời gian là một biến số cơ bản của khái niệm vận tốc, gia tốc trong Vật Lý và khoa học (**định lượng/quantitative**) từ thời Isaac Newton (1643-1727), dẫn con người đến mặt trăng và các thiên thể ngoài vũ trụ. Mỗi văn hoá nhìn thời gian rất khác nhau, và có văn hoá như bộ lạc Pirahã⁹ ở Ba Tây không có khái niệm gì về thời gian. Edward T. Hall (1914-2009) là nhà Nhân Chứng Học nổi tiếng của Mỹ đã từng đề nghị các từ mới đơn-thì (monochronic) và đa-thì (polychronic) sau nhiều năm quan sát các xã hội Mỹ, Nhật, TQ ... Văn hoá, xã hội và con người đơn-thì (xã hội Tây phương hiện đại) có những tính chất rất khác biệt so với con người đa-thì như bảng so sánh và tóm tắt sau đây, chú trọng đặc biệt đến văn hoá VN. Tham khảo thêm bài viết về **tư duy tổng hợp** (trong bảng so sánh dưới) trang này chẳng hạn

<http://www.vanchuongviet.org/index.php?comp=tacpham&action=detail&id=23768>

TÍNH CHẤT ĐƠN-THÌ	TÍNH CHẤT ĐA-THÌ
Thời gian là chuỗi dài liên hệ như đường thẳng, thời giờ là tiền bạc/<i>time is money</i>. Thời gian theo văn hóa đơn-thì coi như là tài sản/vật chất nên ta có thể mất thời giờ (lose time, tiếng Anh so với perdre du temps tiếng Pháp), ăn trộm giờ (steal time), lợi giờ (gain time), tiết kiệm thời giờ (save time), đầu tư thời giờ (invest time), lấy giờ (take time), cho giờ (give time), thêm giờ (add time), giết thời giờ (kill time), ... Chú ý đến thành phần chi tiết phản ánh tư duy phân tích (analytic thinking). Thời gian có giới hạn nên phải dùng một	Thời gian là chu kỳ như vòng tròn, ảnh hưởng của văn hóa 12 con giáp cũng như Phật giáo coi ‘thường’ vật chất/vô thường và bánh xe luân hồi, tái sinh... Tư duy tổng hợp (synthetic thinking) dẫn đến tên 12 con giáp dùng để chỉ không gian (phương hướng), thời gian (giờ, ngày, tháng, năm) và số mạng con người (cuộc sống con người, tương lai, vui hay buồn, tốt hay xấu ...). Thời gian chỉ là một công cụ (tool), một khái niệm chủ quan và có thể thay đổi cho thích nghi.

⁸ Cứ thử xem thành ngữ bốn chữ HV "Dục tốc bất đạt" 欲速不達 (Khổng Tử có nói rằng "Dục tốc tắc bất đạt, kiến tiểu lợi tắc đại sự bất thành"): hàm ý là muốn làm chuyện gì gấp (mau, dùng ít thời gian) thì sẽ không thành công. Thành ngữ trên nêu lên một kết quả tiêu cực của thời gian, nhưng không đa động gì đến làm việc nhanh nhẹn và có hiệu năng cao (tích cực)?

⁹ Các từ chỉ thời gian trong ngôn ngữ của dân tộc Pirahã rất hiếm hoi, số đếm rất đơn giản: một, hai và nhiều (gồm ba, bốn, năm ...). Đời sống hầu như chỉ dựa vào hiện tại, dân tộc Pirahã không có truyền thuyết hay huyền thoại (thuộc về quá khứ). Xem thêm chi tiết trang <http://www.businessinsider.com/brazil-piraha-language-recursion-controversy-linguistics-2016-3/?r=AU&IR=T>

cách đúng đắn.	
Làm một việc cho xong để làm việc tới, chú trọng vào tính chất độc lập trong công việc và tôn trọng (ý kiến) cá nhân.	Làm nhiều việc cùng một lúc, tôn trọng các giá trị cộng đồng - chú trọng vào đóng góp của nhiều người/nhóm trong một việc, đĩ hòa vi quý , một điều nhin là chín điều lành - không rõ ràng trong công việc nên để đi lạc đường (dễ bị phân tâm).
Xem giờ hẹn quan trọng và nhất quyết theo đúng giờ dù có chuyện gì xảy ra đi nữa!	Uyển chuyển giờ hẹn, xem giờ hẹn như mục tiêu có thể không đạt được hay đạt được thì càng tốt. Lý do viện dẫn thường là "miễn công việc làm xong" là được rồi, còn thời giờ chỉ là phụ thuộc mà thôi.
Có chương trình nghị sự/agenda và thời gian liên hệ rất rõ ràng, chủ động thời gian /nhiều khi có vẻ 'thiếu tình cảm' (lãnh đạm/vô cảm) vì chỉ chú trọng vào công việc mình làm mà không bị chi phối bởi môi trường chung quanh.	Thụ động về thời gian , không có chương trình hành động rõ ràng và nếu có thì thường thay đổi vì dễ bị xáo trộn với những quan hệ gần xa (môi trường, xã hội).
Chú trọng vào công việc của mình, giờ giấc và cố giữ cho đúng hẹn /punctuality - cố gắng theo quy trình đã sắp đặt trước.	Chú trọng vào liên hệ/vai vế gia đình và công việc xã hội hơn là công việc cá nhân, ảnh hưởng của truyền thống tam cương ngũ thường của Khổng giáo , đạo thờ cúng ông bà và chữ hiếu ; khi người lớn tuổi đến trễ hẹn, như bố mẹ của mình chẳng hạn, thì ta khó lòng trách móc vì có thể mang tội vô lễ hay bất hiếu ... Tiên học lễ, hậu học văn, Trọng nghĩa khinh tài, 'áo mặt không qua khỏi đầu' ...v.v... (A)
Quan hệ ngắn hạn trong công việc và hướng về về tương lai tốt hơn (và có thể bỏ qua quá khứ nếu cần).	Quan hệ lâu dài hay cả đời, chú trọng đến truyền thống văn hóa lâu đời (hướng về quá khứ), chuộng tình và nghĩa hơn lý , chín bỏ làm mười, 1 điều nhin là 9 điều lành (B)
Thời gian làm việc (work time) khác biệt với thời gian riêng tư (personal time).	Thời gian làm việc và thời gian riêng tư thường lẫn lộn với nhau, có khi vì tình cảm mà <i>làm đêm làm ngày</i> cho xong việc.
Không muốn làm phiền người khác, tập trung và tăng tiến công việc đã được giao phó.	Quan tâm đến các người thân/ chung quanh thay vì coi trọng bản thân, tính chất riêng tư/privacy, chuộng tình nghĩa và quan hệ cộng đồng chung quanh (phép vua thua lệ làng).

(A) các giới hạn này cũng như hiện tượng kỳ (tì) huyễn có thể trở thành những hàng rào cản tính mạo hiểm, óc sáng tạo của con người nói chung, các dân tộc Á Đông rất giàu truyền thống văn hóa nói riêng: đây là một chủ đề đáng đi vào chi tiết nhưng không nằm trong phạm vi bài này.

(B) ‘phương châm’ nhấn nhé, có thể trở thành tiêu cực nếu áp dụng một cách mù quáng (khi dùng cho mọi trường hợp)

Các học giả Fons Trompenaars và Charles Hampden-Turner (1997) đề nghị dùng thuật ngữ **sequential time** (thời gian tiếp nối ~ đơn-thì) so với **synchronic time** (đồng thời ~ đa-thì) trong bảy tiêu chí¹⁰ so sánh các nền văn hoá.

3. Trải nghiệm cá nhân

Người viết từng những thời gian làm việc kỹ thuật cho các hãng Ford (kỹ sư ráp xe), hãng Bosch (quản lý kiểm phẩm), giáo dục và nghiên cứu ngôn ngữ. Có những hoạt động và dự án khá phức tạp cần rất nhiều thời gian từ người viết (NCT). Mỗi năm, người viết đều sắm một sổ **nhật ký** (diary) để ghi **danh sách**¹¹ một số mục tiêu ngắn hạn (short-term objective) và mục tiêu dài hạn (long-term objective). Kết quả (hay không) của từng mục tiêu được xem xét thường xuyên trong năm. Cho đến nay, gom lại được 37 cuốn nhật ký (cho mỗi năm), đã giúp người viết rất nhiều trong quá trình soạn bài/viết bài cho các môn khác nhau. Số lượng thông tin và tra cứu từ các đề tài sẽ dễ trở thành hỗn loạn nếu không nhờ vào danh sách (chi tiết) các hoạt động ghi chép trong các trang nhật ký này, nhất là khi trí nhớ con người dễ bị quá tải (overloaded).

Tóm lại, ý thức được môi trường và xã hội đang sinh sống, một sự đầu tư thời gian rất nhỏ là ghi xuống giấy (nhật ký/lich) mục đích ngắn và dài hạn¹² sẽ giúp ta tiết kiệm rất nhiều thời

¹⁰ Bảy tiêu chí so sánh các văn hoá là 1) Universalism versus particularism (tính chất phổ quát/áp dụng chung so với lệ luật cục bộ/chi tiết) 2) Individualism versus communitarianism (khuyến hướng cá nhân so với cộng đồng/nhóm) 3) Specific versus diffuse (trường hợp riêng biệt so với lan toả/đại đồng) 4) Neutral versus emotional (trung lập/không biểu lộ tình cảm so với dễ xúc động) 5) Achievement versus ascription (thành quả đạt được ở bất kỳ địa vị nào so với địa vị tương xứng với kết quả đạt được) 6) Sequential time versus synchronous time (đơn -thì so với đa -thì) 7) Internal direction versus outer direction (tự kiểm soát so với bị kiểm soát).

¹¹ Trải qua một đời người, ít khi nào thấy ai ghi xuống những mục tiêu trong đời mình, lại càng ít thấy hơn nữa khi các mục tiêu này có thể đo lường được (xác định một cách khoa học/khách quan). Theo một nghiên cứu tại ĐH Harvard, trong một khoá học MBA các sinh viên **ghi xuống mục tiêu của mình mong muốn** sau khi tốt nghiệp: 3% ghi xuống rõ ràng, 13% có nghĩ đến mục tiêu trong đầu mà không viết xuống và 84% không có mục tiêu gì cả. Sau 10 năm, lương bổng (hay là một dấu chỉ sự thành đạt của nhóm) 13% bằng hai lần nhóm 84% và nhóm 3% (từng ghi mục tiêu xuống giấy) có số lương bằng 10 lần nhóm không có mục tiêu! Kết quả này thật ra không đáng ngạc nhiên vì khi không biết mình làm gì (không có mục tiêu) thì làm sao mà đến mục tiêu một cách hữu hiệu được. Cũng như các bạn đi tìm một địa chỉ nào đó mà chỉ trông cậy vào sự hỏi đường xá so với người sử dụng bản đồ hay GPS (các mục tiêu đã được ghi xuống một cách gián tiếp) có hệ thống. Xem bài viết (2015) liên hệ trên trang này chẳng hạn <https://www.elitedaily.com/money/writing-down-your-goals/1068863>.

¹² Cũng như các hoạt động cần thiết để đến đích. Một số hoạt động cần nhiều thời gian hơn thì cũng nên ghi thời gian ước lượng (estimated time) để thực hiện xong cho từng hoạt động. Cũng nên thông báo cho bạn bè hay người nhà về hoạt động này và lý do để tránh bị buộc tội "lô bịch", "máy móc" hay "không giống con giáp nào cả" ... Phương pháp ghi danh sách/mục tiêu/hoạt động tùy theo từng cá nhân, có thể vào đầu trang nhật ký với hai cột (một cột ghi thời gian, chú thích), có thể trên ipad hay notebook ...v.v...

gian về sau - và hiện tượng “giờ dây thun” sẽ từ từ đào thải. Đây cũng là trải nghiệm của người viết bài này (NCT) cho đến ngày hôm nay. Chúng ta nên hãnh diện về truyền thống văn hoá ngôn ngữ rất lâu đời, nhưng cũng phải ‘thức thời’ để không bị lạc hậu và thua kém thiên hạ¹³. Vấn đề cải tiến tư duy thật ra không đơn giản, tuy nhiên sự ghi chép lại mục tiêu ngắn và dài hạn là một tập quán không mất thời giờ mà có thể cho ta nhiều lợi ích cho tư duy về lâu về dài. Tại sao chúng ta lại không thực hiện được những điều rất nhỏ như vậy, khó có thể quy trách nhiệm về ai so với chính bản thân của chúng ta. Có lẽ đây cũng là lúc chúng ta nghiệm lại câu tục ngữ tiếng Anh¹⁴ thường nghe là "Take care of the pence and the pounds will take care of themselves" (hãy chăm sóc bạc cắc/penny và đồng tiền/pound sẽ tự chăm sóc lấy - tạm dịch/NCT). Hi vọng đặt mục tiêu và đạt được mục tiêu (cho mỗi ngày/tuần ...), tìm tòi những điều mới lạ và trải nghiệm phong phú hơn, thay đổi thói quen như ghi chép liên tục và xem xét lại sự tiến triển sẽ làm thời gian dài hơn ra (hay trôi chậm lại) có lợi cho mình và cuối cùng dễ thành công hơn nữa.

4. Tài liệu tham khảo chính và phê bình thêm

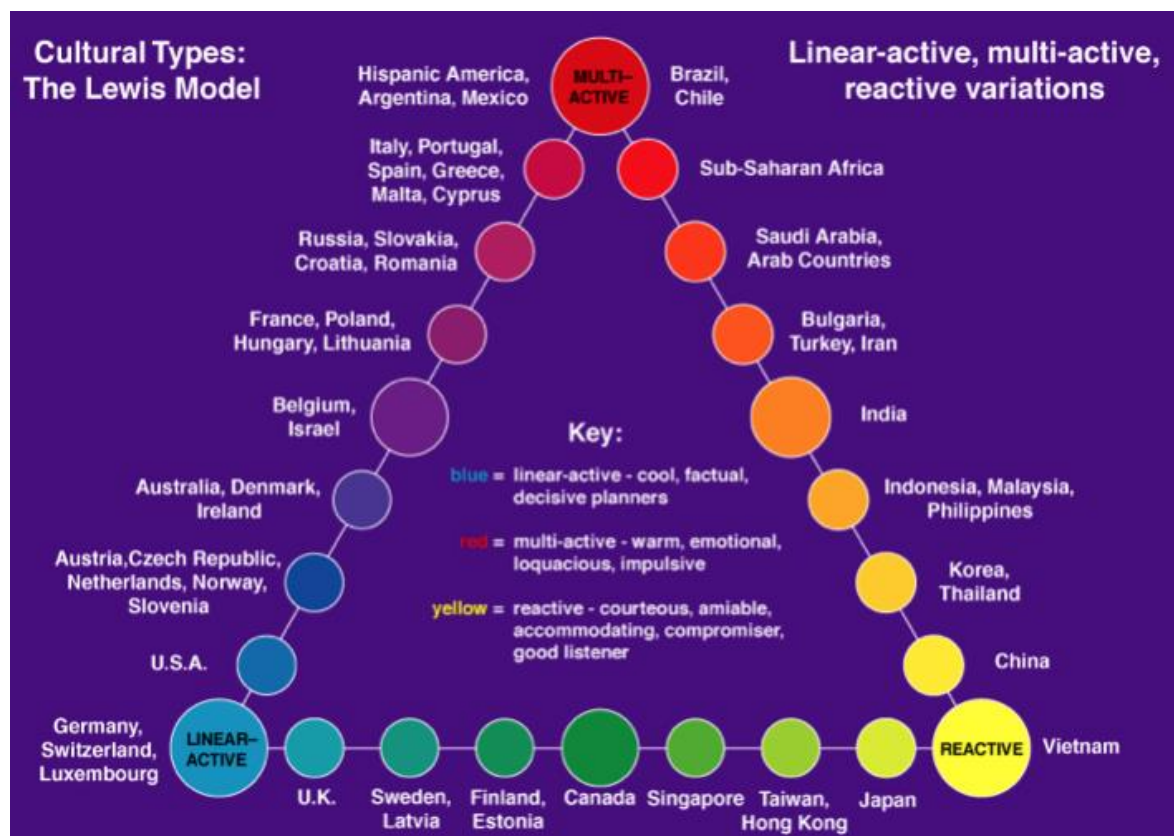
1) Edward T. Hall (1959) “The Silent language” - NXB Doubleday (Garden City, New York - 1959) dịch ra tiếng Nhật bởi các tác giả Masao Kunihiro, Yoshimi Nagai and Mitsuko Saito với tựa đề Chinmoku No Kotoba, NXB Nanundo (Tokyo, 1966). GS Hall đưa ra nhận xét về phương pháp truyền thông của văn hóa Thụy Sĩ, Đức, Scandinavia đều ít-bối-cảnh (low context, đưa thẳng ra các dữ kiện) so với các văn hóa Nhật, TQ, VN có giàu-bối-cảnh (high context, cần nhiều tín hiệu khác từ cách nói, vẻ mặt, điệu bộ ... để hiểu ý chứ không nói thẳng ra một cách đường đột/ngang tàng), đề cập trong cuốn “Beyond Culture” - NXB Anchor Press (Garden City, New York 1976). Ông viết nhiều sách về Văn Hóa Học như “The Hidden Dimension” (1966, NXB Doubleday, Garden City, New York), “An Anthropology of Everyday Life: An Autobiography” (1992, Doubleday, New York), “Understanding Cultural Differences - Germans, French and Americans” (1993, NXB Yarmouth, Maine)...v.v... Có nhiều cách dịch sang tiếng Việt các từ mới như **monochronic** là thời gian đơn, đơn nhịp, đơn-thì, đơn tuyến (tiếng TQ dân xiàn 單線) so với **polychronic** là thời gian phức, đa nhịp, đa-thì, đa tuyến (tiếng TQ duō xiàn 多線). Học giả Richard Lewis¹⁵ lại dùng các thuật ngữ **Linear-active** để chỉ khuynh hướng đơn-thì (các nước nói tiếng Anh/Germanic) và **Multi-active** để chỉ khuynh hướng đa-thì (Nam Âu, Nam Mỹ, Ả Rập, Ấn Độ ...); Lewis không hoàn toàn như cách phân loại của Hall. Ông còn thêm khuynh hướng **Reactive** để chỉ văn hoá Châu trừ bán đảo Ấn Độ, tiêu biểu là VN - xem giản đồ tóm tắt về ba khuynh hướng của Lewis bên dưới - trích từ trang <https://www.crossculture.com/latest-news/the-lewis-model->

¹³ Theo bảng xếp hạng THE (Times Higher Education) mới nhất (6/2/2018) thì hơn 200 đại học VN không nằm trong các trường hàng đầu (350 ĐH) ở Á châu. Tham khảo bảng thống kê THE trang này <https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/asia-university-rankings-2018-results-announced>

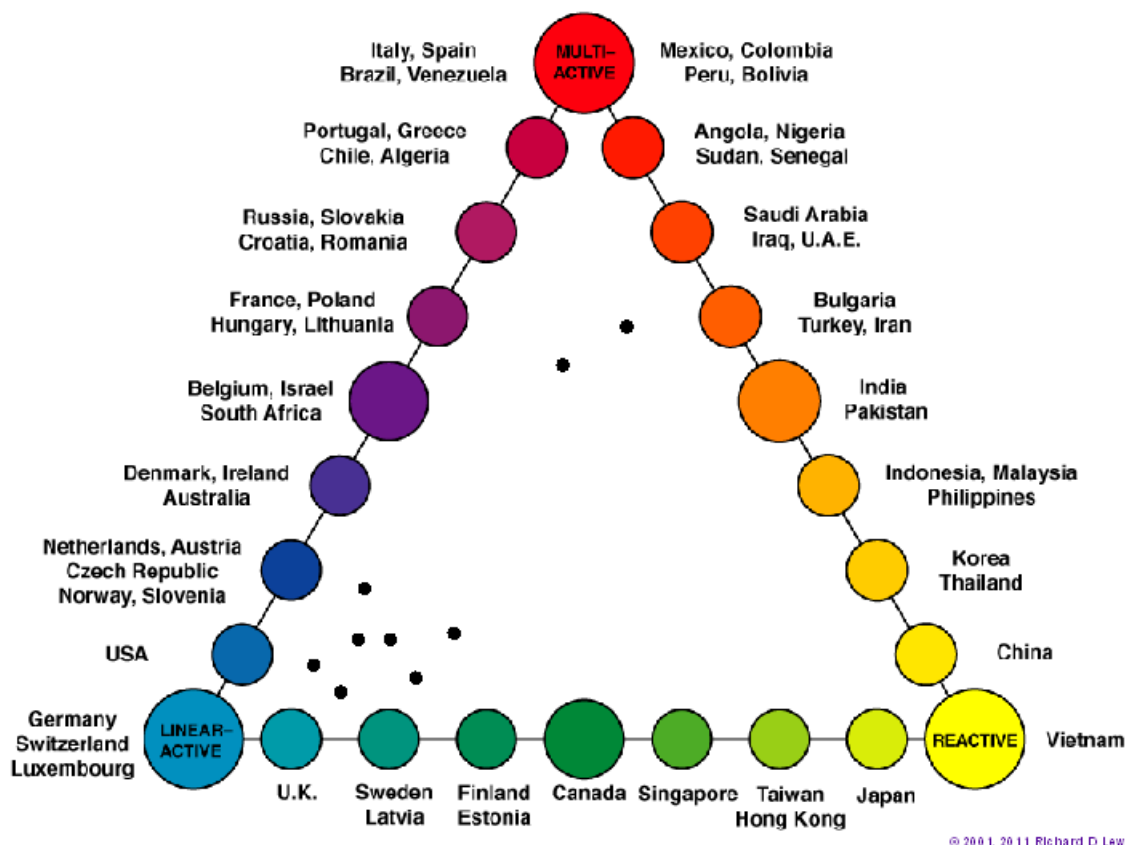
¹⁴ Một tục ngữ tiếng Anh tương tự là "A journey of a thousand miles begins with a single step" (một cuộc hành trình cả ngàn dặm bắt đầu bằng một bước đi trước hết - tạm dịch/NCT).

¹⁵ Richard Lewis (1930-) là nhà ngôn ngữ học Anh, nổi tiếng qua cuốn “When Cultures Collide: Leading across Cultures” (1996, 1999, 2006). Theo ông, như ghi nhận trong cuốn đó, thì tính chất chung của văn hoá ứng xử của từng quốc gia không có thay đổi quan trọng so với thời gian. Do đó mô hình ba-góc của ông trở nên rất có ích khi làm việc chung hay khi giao thiệp/liên lạc quốc tế.

[dimensions-of-behaviour/](#). Người viết đặc biệt chú ý đến mô hình của Lewis vì ông đặt VN vào vị trí chóp (ngọn) của tam giác. Khuynh hướng **Reactive** (phản ứng lại - tạm dịch/NCT) đặt ưu tiên là lễ phép, tôn trọng, lắng nghe và phản ứng rất cẩn thận cho các đề nghị của đối tác. Giản đồ thứ nhất tóm tắt các tính chất chung, giản đồ ba-góc thứ nhì cho thấy kết quả khảo sát một nhóm kỹ sư Tây phương làm việc cho một công ty kỹ thuật. Rõ ràng tư duy và hoạt động các kỹ sư này rất khác biệt với khuynh hướng văn hoá ứng xử của VN (chấm đen trên giản đồ biểu thị cho một cá nhân hay kỹ sư/engineer).



Mô hình Lewis về các loại văn hoá/cultures



2) Nguyễn Cung Thông (1996) "Phương pháp giải quyết vấn đề - khám phá" (Problem solving strategies) NXB Thống Kê. Có thể xem bài viết liên hệ "Phương Pháp Giải Quyết Vấn Đề Và Tứ Diệu Đế" (2010) trang này chẳng hạn <https://thuvienhoasen.org/a4820/phuong-phap-giai-quyet-van-de-va-tu-dieu-de>. Tham khảo thêm bài viết "Tản mạn về từ Hán Việt thời - thì" trên trang này <https://khoahocnet.com/2013/06/15/nguyen-cung-thong-tan-man-ve-tu-han-viet-thoi-thi-phan-6-2/> ...v.v...

3) Fons Trompenaars/Charles Hampden-Turner (1977) "Riding the Waves of Culture - Understanding Diversity in Global Business" cập nhật lần thứ ba (2012).